

Bản án số: **32/2018/DS -PT**

Ngày 22-11-2018

V/v: *Kiện đòi bồi thường thiệt hại do nguồn
nguy hiểm cao độ gây ra*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Minh Khánh**

Các Thẩm phán: Bà **Lưu Hồ Loan**

Ông Ma Hồng Thắng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Ánh Nguyệt** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:* Bà **Nguyễn Thúy Vân**-
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên
tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2018/TLPT-DS ngày 01 tháng
11 năm 2018 về việc: "*Kiện đòi bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS - ST, ngày 31 tháng 8 năm 2018 của
Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2018/QĐ-PT, ngày 05
tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn 02 H, xã Y, huyện M, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Châu Văn L**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn 05 H, xã Y, huyện M, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng
mặt).

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn
bà Nguyễn Thị T trình bày:* Khoảng 16 giờ ngày 23/8/2017 bà T chở mẹ chồng bà T
là bà Lê Thị X đi xe mô tô BKS 22Y1 - 015.65 đi từ Bệnh viện Đa khoa huyện M,
tỉnh Tuyên Quang về nhà bà T tại thôn 2 H, xã Y huyện M, tỉnh Tuyên Quang đến
đoạn đường Km 45+760m đường Quốc lộ II Tuyên Quang - Hà Giang thì xảy ra tai

nạn giao thông với ông Châu Văn L đang điều khiển xe ô tô BKS 88C - 053.12 đang đi ngược chiều với bà T do ông L đi hết phần đường của mình và lấn sang phần đường của bà. Hậu quả là xe máy của bà T bị bật vào lan can bên đường, bà T bị đa chấn thương phải đi điều trị tại bệnh viện gồm: Chấn động não, chấn thương vùng ngực, tràn dịch phổi, gãy xương sườn, gãy xương cẳng chân phải điều trị tại bệnh viện từ ngày 23/8/2017 đến ngày 01/9/2017 ra viện, sau đó bà T về nhà vết thương tái phát nên ngày 07/9/2017 đến ngày 12/9/2017 gia đình đưa bà T đi điều trị lại được 06 ngày thì bà T tự nguyện xin ra viện. Bà T và ông L đã nhiều lần thỏa thuận bồi thường về phần dân sự nhưng không thỏa thuận được. Bà T xác định ông L là người điều khiển nguồn nguy hiểm cao độ (ô tô) gây thiệt hại sức khỏe cho bà T. Bà T xác định đã nhận của ông L tổng số tiền là 4.260.000 đồng, trong đó có 02 triệu đồng bồi thường trước của ông L (Cụ thể: Sau khi bị tai nạn ông L đưa bà 01 triệu đồng, bà T nằm viện được mấy ngày thì ông L đưa bà T thêm 01 triệu đồng). Còn số tiền 2.260.000 đồng là số tiền ông L đưa cho bà T đi giám định pháp y chứ bà T không được tiêu. Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông L bồi thường tổng số tiền là 98.800.000 đồng, các khoản cụ thể gồm:

1. Tiền bồi thường sức khỏe và thương tật 05 tháng nhân với 160.000đ/ ngày công là 24.000.000đ.
2. Mất thu nhập 06 tháng nhân với 160.000đ/ ngày công là 28.000.000đ.
3. Giảm thu nhập 08 tháng nhân với 100.000đ/ ngày là 24.000.000đ.
4. Tổn thất tinh thần là 5.000.000đ.
5. Tiền viện phí hai lần là 1.800.000đ.
6. Thuốc mua để bó bột là 385.000đ.
7. Thuốc mua về nhà điều trị thêm do bác sỹ kê đơn là 615.000đ.
8. Thuốc bổ não thần kinh tiêm ở viện do bác sỹ kê đơn 1.100.000đ.
9. Tiền thuê xe Taxi (Một lần vào hai lần ra) là 1.350.000đ
10. Mất thu nhập của người chăm sóc(chồng) trong 02 tháng nhân với 160.000đ/ ngày là 9.600.000đ.
11. Tài sản bị vỡ là 01 phích và 01 quạt là 150.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T yêu cầu ông L bồi thường cho bà T tổng số tiền là 50.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Châu Văn L trình bày:

Ông L xác định chiều ngày 23/8/2017 ông L điều khiển xe ô tô BKS 88C -053.12 chạy theo hướng Hà Giang - Tuyên Quang đến Km 45 + 760m thì gặp một vụ tai nạn giao thông giữa xe đầu kéo với xe tải, xe đầu kéo chiếm hết phần đường và khuất tầm nhìn của ông L nên ông L đã phanh lại, trước khi phanh xe thì ông L đang chạy xe với tốc độ là 40km/h nhưng do trời mưa đường trơn nên khi phanh xe thì xe của ông L bị văng sang đường bên trái theo hướng đi của ông L, cùng lúc đó bà Nguyễn Thị T chở bà Lê Thị X đi xe mô tô BKS 22Y1 - 015.65 đã va vào xe ô tô của ông L dẫn đến bà T và bà X bị đa chấn thương. Ông L đã thỏa thuận và bồi thường xong cho bà X số tiền là 30.000.000 đồng, còn phía bà T thì đã nhiều lần thỏa thuận không H được. Ông L đã trả số tiền sửa chữa xe

máy cho bà T là 2.100.000 đồng. Ngoài ra ông L đưa cho bà T tổng số tiền là 4.260.000 đồng (trong đó ngay sau khi bị tai nạn ông L đưa cho bà T 1.000.000 đồng, bà T nằm viện được mấy ngày thì ông L đưa bà T 1.000.000 đồng; 2.260.000đ ông L đưa cho bà T để đi giám định pháp y). Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông L bồi thường số tiền 50.000.000 đồng ông L không nhất trí ông L chỉ nhất trí bồi thường cho bà T số tiền là 40.000.000 đồng nhưng phải trừ đi số tiền ông đã đền bù trước đây cho bà T là 4.260.000đ. Số tiền còn lại ông yêu cầu được trả thành hai lần. Lần một ngay sau khi bản án có hiệu lực và lần hai là sau khi bản án có hiệu lực một năm.

Bà T không nhất trí và đề nghị HĐXX giải quyết theo pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã Y, huyện M, tỉnh Tuyên Quang thì được cung cấp thông tin như sau: Theo thống kê của Văn phòng thống kê UBND xã Y, huyện M tại thời điểm từ tháng 8/2017 đến tháng 12/2017 thì mức thu nhập bình quân hàng tháng đối với lao động làm các công việc phổ thông như đi gặt lúa, hái chè thuê, đi cắt cỏ... là 150.000 đồng/người/ngày; đối với lao động làm những công việc nặng như đi bốc vác thuê, làm thợ xây... là 200.000 đồng/người/ngày.

Tòa án đã sao bệnh án của bà T điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang thể hiện bà T có vào viện điều trị hai lần từ ngày 23/8/2017 đến ngày 01/9/2017 ra viện, sau đó bà T về nhà vết thương tái phát nên ngày 07/9/2017 đến ngày 12/9/2017 gia đình đưa bà T đi điều trị lại được 06 ngày thì bà T tự nguyện xin ra viện. Kết luận của Bệnh viện bà bị chấn động não, chấn thương vùng ngực, tràn dịch phổi, gãy xương sườn, gãy xương cẳng chân phải điều trị tại bệnh viện sau đó cho ra viện, tại thời điểm ra viện đã đi được và có chỉ định tiếp tục điều trị nội khoa. Tòa án xác minh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang được biết đối với tổn hại sức khỏe của bà T sau tám tuần sẽ tập phục hồi chức năng.

Tại kết luận giám định pháp y bà T bị tổn hại sức khỏe 9%.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, điều tra, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST, ngày 31 tháng 8 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định:

Áp dụng: Các Điều 26, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 584, 585, 586, 587, 601 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ghi nhận ông Châu Văn L đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 4.260.000đ (Bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Xử: Buộc ông Châu Văn L phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 36.140.000đ (Ba mươi sáu triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/9/2018 và ngày 26/9/2018 Tòa án nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, đơn kháng cáo có nội dung: Kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST, ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện M với lý do: Bà bị đa chấn thương từ đầu xuống chân, bị chấn động não, chấn thương kín vùng ngực, bị gãy xương sườn, tràn dịch phổi, gãy xương mác cẳng chân, bị bó bột từ đùi xuống cẳng chân, bàn chân, Tòa án huyện M cho bà hưởng tiền mất thu nhập là 03 tháng x 160.000đ/ngày công; tiền giảm thu nhập chỉ có 02 tháng x 60.000đ/ngày công; tiền bồi dưỡng sức khỏe quá ít vì cho đến nay đã hơn 01 năm mà bà vẫn chưa thể đi làm được bà chỉ có thể ở nhà, trông nhà và làm các việc vặt trong nhà, đề nghị Tòa án xem xét buộc ông L phải bồi thường thêm cho bà:

1. 03 tháng mất thu nhập x 160.000đ/ngày công = 14.400.000đ;
2. Tiền giảm thu nhập 08 tháng x 100.000đ/ngày công = 24.000.000đ;
3. Tiền bồi dưỡng sức khỏe là 05 tháng x 160.000đ/ ngày công = 24.000.000đ;
4. Tiền giám định pháp y là 2.260.000đ;
5. Tiền sao bệnh án Tòa án nhân dân huyện M thu là 500.000đ;
6. Yêu cầu chủ xe phải cùng ông L bồi thường thêm cho bà tổng cộng là 65.100.000đ.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T thay đổi yêu cầu kháng cáo và đề nghị: Tăng mức bồi thường tổn thất về tinh thần yêu cầu ông Châu Văn L phải bồi thường là 20.000.000đ; tiền bồi dưỡng sức khỏe là 5.000.000đ; tiền sao bệnh án là 160.000đ, còn các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên.

Tại phiên tòa bị đơn ông Châu Văn L vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt ông đề nghị: Giữ nguyên quan điểm như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bà T hợp lệ, trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T thay đổi yêu cầu kháng cáo và đề nghị: Tăng mức bồi thường tổn thất về tinh thần yêu cầu anh Châu Văn L phải bồi thường là 20.000.000đ; tiền bồi dưỡng sức khỏe là 5.000.000đ; tiền sao bệnh án là 160.000đ, còn các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm thấy rằng: Việc bà T bị đa chấn thương, tràn dịch màng phổi, gãy cung xương sườn 4 bên trái, gãy đầu xương mác cẳng chân trái dẫn đến tổn hại 09% sức khỏe là do lỗi của ông L, nên ông L phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà T. Cấp sơ thẩm đã xem xét chấp nhận các khoản chi phí hợp lý: Tiền viện phí 2 lần là 1.800.000đ, tiền mua thuốc tại bệnh viện, bó bột, thuốc do bác sỹ kê đơn là 2.100.000đ; tiền thuê xe 1.350.000đ; tiền mất thu nhập của người chăm sóc 2 tháng x 160.000/ngày là 9.600.000đ; tài sản bị vỡ (phích và quạt) là 150.000đ; tiền tổn thất về tinh thần 5.000.000đ; tiền mất thu nhập 3 tháng x 160.000đ/ngày là 14.400.000đ; tiền giảm thu nhập 60 ngày x 100.000đ/ngày là

6.000.000đ. Tổng cộng là 40.400.000đ là có cơ sở. Do vậy, việc bà T yêu cầu ông L phải bồi thường thêm tiền tổn thất tinh thần là 20.000.000đ, tiền mất thu nhập 3 tháng là 14.000.000đ; tiền giảm thu nhập 8 tháng là 24.000.000đ là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu buộc ông L và chủ chiếc xe ô tô phải có trách nhiệm bồi thường thêm cho bà, thấy rằng: Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm bà T đều xác định ông L là người điều khiển xe ô tô gây thiệt hại sức khỏe cho bà, nên bà chỉ yêu cầu ông L bồi thường thiệt hại cho bà. Ông L và ông U cũng đều xác định ông L là người lái xe thuê cho ông U, hai bên đã thỏa thuận với nhau nếu ông L gây tai nạn thì ông L phải chịu trách nhiệm bồi thường. Do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T.

Đối với yêu cầu ông L phải bồi thường cho bà T khoản tiền bồi dưỡng sức khỏe 5.000.000đ, tiền sao bệnh án 160.000đ và tiền chi phí giám định 2.260.000đ là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện M. Buộc ông Châu Văn L phải bồi thường cho bà T 43.560.000đ. Ông L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 2.178.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cho rằng Tòa án huyện M cho bà hưởng tiền mất thu nhập là 03 tháng x 160.000đ/ngày công; tiền giảm thu nhập chỉ có 02 tháng x 60.000đ/ngày công; tiền bồi dưỡng sức khỏe quá ít, đề nghị Tòa án xem xét buộc ông L phải bồi thường thêm cho bà 03 tháng mất thu nhập x 160.000đ/ngày công = 14.400.000đ; Tiền giảm thu nhập 08 tháng x 100.000đ/ngày công = 24.000.000đ; Tiền bồi dưỡng sức khỏe là 5.000.000đ; tăng tiền tổn thất về tinh thần là 20.000.000đ; Tiền giám định pháp y 2.260.000đ; Tiền sao bệnh án là 160.000đ.

HĐXX thấy rằng: Tòa án nhân dân huyện M đã xem xét thương tích và chi phí thực tế và đã chấp nhận các khoản chi phí hợp lý buộc ông L phải bồi thường: Tiền tổn thất về tinh thần 5.000.000đ; tiền mất thu nhập 3 tháng x 160.000đ/ngày là 14.400.000đ; tiền giảm thu nhập 60 ngày x 100.000đ/ngày là 6.000.000đ là phù hợp. Bà T yêu cầu ông L phải bồi thường thêm tiền tổn thất về tinh thần 20.000.000đ; tiền mất thu nhập 3 tháng là 14.400.000đ; tiền giảm thu nhập 8 tháng là 24.000.000đ, tại phiên tòa phúc thẩm bà T không xuất trình được tình tiết mới nên không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với số tiền bồi dưỡng sức khỏe bà T yêu cầu ông L phải bồi thường là 5.000.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu này của bà T là hợp lý và tại cấp sơ thẩm chưa được xem xét nên cần chấp nhận yêu cầu này của bà T.

Về số tiền giám định pháp y 2.260.000đ bà T yêu cầu ông L trả cho bà. Tại biên bản hòa giải ngày 04/6/2018 tại TAND huyện M (BL28) bà T xác định đã nhận của ông L 4.260.000đ, trong đó có 2.260.000đ ông L đưa để bà đi giám định pháp y, nên quá trình giải quyết bà T không yêu cầu giải quyết số tiền này. Tuy nhiên Tòa án nhân dân huyện M không tính trừ số tiền giám định pháp y (2.260.000đ) trong tổng số tiền ông L đã đưa cho bà T (4.260.000đ) mà lại tính tổng các khoản buộc ông L phải bồi thường rồi trừ đi số tiền đã bồi thường trước là không chính xác. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T cung cấp 03 hóa đơn chi phí giám định pháp y, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu này của bà T, buộc ông L phải trả cho bà T khoản tiền chi phí giám định pháp y là 2.260.000đ.

Về yêu cầu tiền sao bệnh án là 500.000đ do TAND huyện M thu của bà để sao bệnh án tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang, tại phiên tòa bà T thay đổi chỉ yêu cầu ông L phải trả tiền sao bệnh án là 160.000đ do cán bộ Tòa án M thực hiện. Trong hồ sơ tại bút lục số 53 (hóa đơn thanh toán tiền trích sao bệnh án số tiền 90.000đ), bút lục 54 (hóa đơn thanh toán tiền chênh lệch trích sao bệnh án số tiền 70.000đ). Tổng cộng hai hóa đơn là 160.000đ. Đây là khoản tiền chưa được cấp sơ thẩm xem xét nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc ông L phải chịu khoản tiền này.

Như vậy các khoản chi phí hợp lý được chấp nhận buộc ông Châu Văn L phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T, gồm:

- Tiền viện phí 2 lần là 1.800.000đ;
- Tiền mua thuốc tại bệnh viện, bó bột, thuốc do bác sỹ kê đơn là 2.100.000đ;
- Tiền thuê xe 1.350.000đ;
- Tiền mất thu nhập của người chăm sóc 2 tháng x 160.000/ngày là 9.600.000đ;
- Tài sản bị vỡ (phích và quạt) là 150.000đ;
- Tiền tổn thất về tinh thần 5.000.000đ;
- Tiền mất thu nhập 3 tháng x 160.000đ/ngày là 14.400.000đ;
- Tiền giảm thu nhập 60 ngày x 100.000đ/ngày là 6.000.000đ;
- Tiền bồi dưỡng sức khỏe 5.000.000đ;
- Tiền trích sao bệnh án 160.000đ;
- Tiền chi phí giám định pháp y 2.260.000đ

Tổng cộng = 47.820.000đ. Tuy nhiên do ông L đã bồi thường trước là 4.260.000đ nên được trừ số tiền này. Số tiền còn lại ông L phải bồi thường cho bà T là 43.560.000đ (*Bốn mươi ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*).

[2] Về yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T cho rằng ông L chỉ là người lái xe thuê còn chủ của chiếc xe tải gây tai nạn cho bà thì không được Tòa án triệu tập. Về nội dung này HĐXX thấy rằng: Theo quy định tại khoản 2, Điều 601 Bộ luật dân sự năm 2015: “Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, nếu chủ sở hữu đã giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng thì người này phải bồi thường, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Tại biên bản làm việc ngày 11/6/2018 (BL60) bà xác định một mình ông Châu Văn L là người

điều khiển nguồn nguy hiểm cao độ gây tai nạn, thiệt hại sức khỏe cho bà, ngoài ông L bà không yêu cầu bất cứ ai khác có trách nhiệm bồi thường thiệt hại sức khỏe cho bà. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai của ông Trần Anh U ngày 13/6/2018 (BL61), ông U trình bày ông là chủ xe BKS 88C-053.12, ông có hợp đồng giao xe cho ông L, theo hợp đồng ông L phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trong quá trình sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án ông L cũng xác định ông là người chịu trách nhiệm bồi thường đối với sức khỏe của bà T. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông Trần Anh U tham gia phiên là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của bà T về nội dung này.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí do bà T là người yêu cầu bồi thường về sức khỏe thuộc trường hợp được được miễn án phí quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà T đã nộp.

Án phí dân sự có giá ngạch: Do sửa một phần bản án tăng mức bồi thường nên sửa phần án phí dân sự có giá ngạch buộc ông L phải chịu $43.560.000đ \times 5\% = 2.178.000đ$.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 357; 584; 585; 586; 590; Điều 601 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện M về phần bồi thường như sau:

Buộc ông Châu Văn L phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 43.560.000đ (*Bốn mươi ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Khoản tiền phải bồi thường kể từ khi bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L chậm trả thì hàng tháng ông L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Sửa phần án phí dân sự có giá ngạch: Ông Châu Văn L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 2.178.000đ (*Hai triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng*).

Bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0006253 ngày 05/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (22/11/2018)

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện M;
- Chi Cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Minh Khánh